TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2025/DS-ST
Ngày 13-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Mai.
2. Bà Châu Thị Lệ .

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ).

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh (quận Gò Vấp cũ) tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1492/2024/TLST-DS ngày 16/12/2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 284/2025/QĐXXST-DS ngày 05/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 264/2025/QĐST-DS ngày 30/6/2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 753/2025/QĐXXST-DS ngày 23/7/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.
Địa chỉ: Số B N, phường H, Thành phố Hà Nội (phường T, quận H cũ).

Địa chỉ liên hệ: Lầu B số B đường L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh (Phường A, Quận C cũ).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Quỳnh N (Có đơn xin vắng mặt).

Văn bản ủy quyền số 8780/UQ-PVB ngày 30/10/2024.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trúc M, sinh năm 1990 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số D T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (Phường A, quận G cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản hòa giải người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Quỳnh N trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã cho ông Nguyễn Trúc M vay tổng số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2018101010531844 ngày phát hành 10/10/2018, ngày hết hạn 31/10/2023, lãi suất trong hạn tại thời điểm cho vay là 25%/năm, mục đích vay tiêu dùng, Ngân hàng đã cấp hạn mức thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Trúc M số tiền vay 100.000.000 đồng vào ngày 06/12/2019.

Sau khi được Ngân hàng cho vay ông Nguyễn Trúc M đã không thực hiện trả nợ đúng quy định theo Hợp đồng đã ký.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Trúc M đã trả số tiền 2.977.524 đồng tiền gốc, 8.368.828 đồng tiền lãi, 3.857.983 đồng tiền phí, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Trúc M vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Tính đến ngày 13/8/2025 tổng số tiền ông Nguyễn Trúc M còn nợ Ngân hàng là 689.205.403 đồng; trong đó nợ gốc 99.993.320 đồng; nợ lãi 192.516.497 đồng; phí 396.695.586 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

Buộc ông Nguyễn Trúc M phải trả toàn bộ số tiền nợ 689.205.403 đồng; trong đó nợ gốc 99.993.320 đồng; nợ lãi 192.516.497 đồng; phí 396.695.586 đồng tạm tính đến ngày 13/8/2025. Buộc ông Nguyễn Trúc M còn phải chịu lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng từ ngày 14/8/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bà Trần Thị Quỳnh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Nguyễn Trúc M: Đã được Tòa án triệp tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ) đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng gồm, thông báo thụ lý, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, tuy nhiên ông Nguyễn Trúc M vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày cũng như yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ) phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể: Đã thụ lý đúng thẩm quyền, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt cho các đương sự các văn bản tố tụng, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và tống đạt cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ) theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1, Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Trúc M có địa chỉ cư trú tại: Số D T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (Phường A, quận G cũ). Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ) theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Nguyễn Trúc M đã được Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ) tống đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả việc kiểm tra giao nộp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1, khoản 2, Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Nguyễn Trúc M vắng mặt không lý do. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Căn cứ quy định Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trúc M và đại diện theo ủy quyền của phía nguyên đơn.

[3]. Về yêu cầu của các đương sự:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trúc M thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2018101010531844 ngày 10/10/2018, khoản tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến 13/8/2025 là 689.205.403 đồng; trong đó nợ gốc 99.993.320 đồng; nợ lãi 192.516.497 đồng; phí 396.695.586 đồng. Buộc ông Nguyễn Trúc M còn phải chịu lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng từ ngày 14/8/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3.1]. Xét về số nợ gốc phải trả: Ông Nguyễn Trúc M vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 100.000.000 đồng thông qua Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2018101010531844 ngày 10/10/2018, phía Ngân hàng đã cấp hạn mức thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Trúc M số tiền vay 100.000.000 đồng ngày phát hành 25/10/2018, ngày hết hạn 31/10/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Trúc M đã trả số tiền 2.977.524 đồng tiền gốc, sau đó không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Tính đến ngày 13/8/2025 số tiền nợ gốc ông Nguyễn Trúc M còn nợ Ngân hàng là 99.993.320 đồng. Như vậy, ông Nguyễn Trúc M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên phía ngân hàng yêu cầu thu hồi nợ trước hạn là đúng theo quy định tại Hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Căn cứ thỏa thuận giữa hai bên và quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Trúc M trả số tiền nợ gốc là 99.993.320 đồng.

[3.2]. Xét về nợ lãi phải trả:

Theo quy định tại khoản 2, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".*

Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2018101010531844 ngày 10/10/2018; căn cứ khoản 2, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Cụ thể nợ lãi 192.516.497 đồng; phí 396.695.586 đồng, tính đến ngày ngày 13/8/2025.

[3.3]. Về khoản tiền lãi kể từ sau ngày tòa xét xử sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên kể từ ngày 14/8/2025 ông Nguyễn Trúc M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2018101010531844 ngày 10/10/2018 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi, phí mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 689.205.403 đồng nên số tiền án phí phải chịu trên tổng số tiền nêu trên là: 31.568.216 đồng.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[5]. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 299, khoản 7, Điều 323; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 6; điểm b, khoản 1, Điều 24; khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

*Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Buộc ông Nguyễn Trúc M trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng cộng số tiền: 689.205.403 đồng; trong đó nợ gốc 99.993.320 đồng; nợ lãi 192.516.497 đồng; phí 396.695.586 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Trúc M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2018101010531844 ngày 10/10/2018 tính từ ngày 14/8/2025 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Trúc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.568.216 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.032.782 đồng theo biên lai thu số 0056950 ngày 16/12/2024 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh (Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp cũ).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7-TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 7-TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Đức

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Đức